

Biểu số 03: KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
(Kèm theo Quyết định số: 79 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính								
				Thị trấn Đăk Tô	Xã Diên Bình	Xã Đăk Rơ Nga	Xã Đăk Trăm	Xã Kon Đào	Xã Ngọc Tụ	Xã Pô Cô	Xã Tân Cảnh	Xã Văn Lem
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(...)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	185,85	35,44	14,52	47,22	25,91	10,80	2,57	24,38	15,74	9,27
	Trong đó:											
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	4,55	0,09	0,19	2,02	2,00	0,04			0,21	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>4,29</i>	<i>0,04</i>	<i>0,19</i>	<i>2,02</i>	<i>2,00</i>	<i>0,04</i>				
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	94,52	9,03	5,29	40,91	16,91	3,77	1,68	6,69	2,06	8,18
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	85,75	26,23	8,98	3,89	7,00	6,99	0,67	17,69	13,21	1,09
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN										
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN										
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	0,94	0,09	0,06	0,40			0,22		0,17	
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>										
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,09								0,09	
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp											
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT										

Ghi chú: Đối với các loại đất cần có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền trước khi chuyển mục đích sử dụng đất thì chỉ được phép thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.